

Bản án số: **04/2017/HNGĐ-PT**

Ngày: 24/5/2017

V/v: “ly hôn”

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Dung**

Các thẩm phán:

Bà **Lê Thị Hiền**

Ông **Nguyễn Hồng Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Thu** - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:

Bà **Huỳnh Thiên Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 03/2017/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 04 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2017/QĐ-PT ngày 08 tháng 05 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **A** – sinh năm 1976

Địa chỉ: Đường L, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Bà A có mặt tại phiên tòa.

* *Bị đơn:* Ông **B** – sinh năm 1975

Địa chỉ liên lạc: Đường C, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Ông B có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Nguyên đơn bà A trình bày:**

Bà A và ông B kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau và hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Bà A nhận thấy không còn tình cảm với ông B nữa, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

- **Về con chung:** Bà và ông B có 02 con chung là N - sinh ngày 10/07/2006 và Q - sinh ngày 16/08/2014, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

*** Bị đơn ông B trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân ông đồng ý như bà A trình bày, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà A.

- Về con chung: Ông và bà A có 02 con chung là N - sinh ngày 10/07/2006 và Q - sinh ngày 16/08/2014. Nếu Tòa giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi một trong hai con chung và không yêu cầu bà A phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông B và bà A tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 26/2017/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đã căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Bà A được ly hôn ông B.

- Về con chung: Bà A được trực tiếp nuôi 02 con chung là N, sinh ngày 10/07/2006 và Q, sinh ngày 16/08/2014. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông B do bà A không yêu cầu.

Ngày 31/3/2017, bị đơn ông B có đơn kháng cáo không đồng ý một phần Quyết định của Bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm đối với nội dung nuôi con chung. Ông B đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm cho ông được trực tiếp nuôi một con chung là cháu sinh ngày .

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà A không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông B. Bà A đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm cho bà được trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu N, sinh ngày 10/07/2006 và Q sinh ngày 16/08/2014.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, lời khai của các bên đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* **Thủ tục tố tụng**: Đơn kháng cáo của ông B còn trong hạn luật định nên hợp lệ.

* **Nội dung**:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn bà A và bị đơn ông B không kháng cáo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên nội dung này của Bản án sơ thẩm. Bà A được ly hôn ông B.

- *Về tài sản chung*: Cả nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa giải quyết nên Bản án sơ thẩm không xem xét là đúng quy định của pháp luật.

- *Về yêu cầu kháng cáo của ông B xin được nuôi một con chung*, Hội đồng xét xử xét thấy:

Do quan hệ hôn nhân có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên từ giữa năm 2016, bà A và ông B đã chính thức sống ly thân mỗi người sống mỗi nơi. Kể từ thời gian này hai con chung là cháu N và cháu Q do bà A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện tại 02 cháu vẫn đang sống ổn định với bà A. Bản án sơ thẩm đã xem xét thấy cháu Q còn đang dưới 36 tháng tuổi, cháu N 11 tuổi, nhưng có nguyện vọng được sống cùng mẹ, bên cạnh đó là điều kiện kinh tế, quá trình thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung của bà A đảm bảo cuộc sống và sự phát triển cả về vật chất và tinh thần cho các cháu nên giao cho bà A được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là cháu N và cháu Q.

Ông B kháng cáo cho rằng ông có đủ điều kiện để nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết cho ông được thực hiện quyền nuôi một con chung. Việc ông B kháng cáo xin được nuôi một con chung là yêu cầu hoàn toàn chính đáng phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, căn cứ khoản 2, khoản 3 điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2015 quy định: “*khi Tòa án giao con cho một bên trực tiếp phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ 7 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con*”.

“*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”.

Sau khi xét xử sơ thẩm, cháu N vẫn không thay đổi nguyện vọng xin được ở với ông B, ông B không chứng minh được bà A không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và tại phiên tòa phúc thẩm giữa bà A và ông B cũng không có thỏa thuận gì khác về việc nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi, ổn định cuộc sống tinh thần, nguyện vọng của cháu Như và quy định của pháp luật đối với cháu Ngọc, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung 5.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/6/2017 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. xét thấy đây là sự tự nguyện không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

* **Án phí**: Vì không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B nên ông B vẫn phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “xin ly hôn” của nguyên đơn bà A đối với bị đơn ông B.

1. *Về hôn nhân*: Bà A được ly hôn ông B.

2. *Về con chung*: Bà A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là N, sinh ngày 10/07/2006 và Q, sinh ngày 16/08/2014. Ông B được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Ghi nhận sự tự nguyện của ông B cấp dưỡng nuôi 02 con chung là N, sinh ngày 10/07/2006 và Q, sinh ngày 16/08/2014 mỗi tháng 5.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/6/2017 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

*** Về án phí:**

- Bà A phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng mà bà A đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0006124 ngày 3/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà A đã nộp đủ tiền án phí.

Ông B phải nộp 300.000đ tiền án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm 300.000 đồng mà ông B đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0006464 ngày 17/04/2017. Như vậy, ông B đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình.

*** Quy định:**

Kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông B chậm thi toán khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng ông B còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015..

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- TAND thành phố Nha Trang;
- Chi cục THADS thành phố Nha Trang;
- UBND phường Vạn Thạnh, Nha Trang;
- Lưu án văn; VP; hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Hôm nay ngày 24 tháng 5 năm 2017, tại phòng nghị án Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:	Bà Nguyễn Thị Kim Dung
Các thẩm phán:	Bà Lê Thị Hiền.
	Ông Nguyễn Hồng Tuấn

Tiến hành thảo luận và nghị án đối với vụ án về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2017/QĐ-PT ngày 08 tháng 05 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **A** – sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 80 Mê Linh, Tân Lập, Nha Trang, Khánh Hòa.

Bà A có mặt tại phiên tòa.

* Bị đơn: Ông **B** – sinh năm 1975

Địa chỉ: Số 80 Mê Linh, Tân Lập, Nha Trang, Khánh Hòa.

Ông B Có mặt tại phiên tòa.

Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm biểu quyết 3/3 về các nội dung giải quyết vụ án như sau:

*** Về điều luật áp dụng:**

Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*** Nội dung: Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “xin ly hôn” của nguyên đơn bà A đối với bị đơn ông B.

1. *Về hôn nhân:* Bà A được ly hôn ông B.

2. *Về con chung:* Bà A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là N, sinh ngày 10/07/2006 và Q, sinh ngày 16/08/2014. Ông B được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Ghi nhận sự tự nguyện của ông B cấp dưỡng nuôi 02 con chung là N, sinh ngày 10/07/2006 và Q, sinh ngày 16/08/2014 mỗi tháng 5.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/6/2017 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

*** Về án phí:**

- Bà A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng mà bà A đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0006124 ngày 3/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà A đã nộp đủ tiền án phí.

Ông B phải nộp 300.000đ tiền án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm 300.000 đồng mà ông B đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0006464 ngày 17/04/2017. Như vậy, ông B đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình.

Biên bản nghị án kết thúc vào lúc 10 giờ 40 phút cùng ngày.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa

Lê Thị Hiền Nguyễn Hồng Tuấn

Nguyễn Thị Kim Dung